TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2022
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Triều
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 661/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lê Trần Thanh T** sinh năm: 1987 *(Có mặt)*

Địa chỉ: 11/1 Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Ngọc A** – Công ty TNHH Một thành viên A – Đoàn Luật sư thành phố C. *(Có đơn xin giải quyết vắng mặt).*

Địa chỉ: số 88, tổ 48A, khu vực B, phường H, quận C, thành phố C.

- *Bị đơn*: **Ông Mai Dũng S** sinh năm: 1978 *(Có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

Địa chỉ: 6A, đường N, phường T, quận N, TP. C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Trần Thanh T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Mai Dũng S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 14/02/2019. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đến cuối tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến hôm nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi với nhau, đời sống chung không hạnh phúc. Sau nhiều lần tìm biện pháp nhằm hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Hiện tại, bà và ông S đã sống ly thân, bà xác định

không còn tình cảm với ông S. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Dũng S.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung là Mai Lê Chí Q (nam), sinh ngày 05/7/2021. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn ông Mai Dũng S trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do áp lực cuộc sống công việc dẫn đến vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn thời gian gần đây khoảng 01 tháng. Bà T yêu cầu ly hôn, ông S cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Ông xin thời gian để ông và bà T hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau.

- *Về con chung:* Thống nhất lời trình bày của bà T về con chung. Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung là Mai Lê Chí Q (nam), sinh ngày 05/7/2021. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông không đồng ý. Ông thương con nên mong muốn được nuôi con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Bà cho rằng giữa bà và ông S không có khả năng hàn gắn tình cảm với nhau nên không thể đoàn tụ. Bà mong muốn giữa bà và ông S ly hôn văn minh, êm đẹp. Do giữa bà và ông S đã mâu thuẫn gần 03 năm không thể hóa giải được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Bà cho rằng thời gian qua Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng bà và ông S không thể hàn gắn, bà vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông S. Bà có đủ điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi con nên bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và trình bày luận cứ bảo vệ như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:*Bà T và ông S kết hôn có đăng ký hết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân phường An Hội cấp ngày 14/02/2019. Quá trình chung sống vợ chồng, bà T và ông S thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều vấn đề, không thể giải quyết. Xét thấy, tình cảm giữa bà T và ông S không còn, cuộc sống vợ chồng của bà T và ông S vẫn không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên kính đề nghị Quý Tòa cho bà T được ly hôn với ông Mai Dũng S.

+ *Về con chung:* Bà T và ông S có 01 con chung là cháu Mai Lê Chí Q, sinh ngày 05/7/2021, hiện nay cháu 14 tháng tuổi. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và để đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của

cháu, kính mong Quý Tòa xem xét và chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà T. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, kính mong Quý Tòa xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 07/9/2022 và có ý kiến trình bày: Ông muốn được tiếp tục chung sống với bà T để cùng nhau nuôi dạy con nhỏ, vì ông vẫn còn yêu vợ và rất thương con, sợ ông và bà T không ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm sinh lý của con. Trong trường hợp ý kiến của ông không được Tòa án chấp nhận thì ông mong Tòa án xem xét cho ông được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, vẫn đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, lo cho con theo quy định pháp luật. Phía bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nhưng ông vẫn thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng của ông đối với con để đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho con. Việc thăm nom, chăm sóc, lo cho con của ông đối với con chung sẽ không bị bà T cản trở. Ngoài ra, ông S có ý kiến cho rằng trong trường hợp bà T liên tục ngăn cản, không cho thăm con, chăm sóc cho con, bà T không đảm bảo điều kiện lo cho con làm ảnh hưởng đến con chung thì ông sẽ xin thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật. Do ông có công việc đột xuất nên xin Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Trần Thanh T và ông Mai Dũng S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hội vào ngày 14/02/2019 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà T và ông S phát sinh mâu thuẫn và bà T có đơn khởi kiện, ông S cư trú tại quận Ninh Kiều nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và phía bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt luật sư và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2]Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, ông bà sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình bà và ông S không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi với nhau, đời sống chung không hạnh phúc, bà và ông S nhiều lần

tìm biện pháp nhằm hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Hiện tại, bà và ông S đã sống ly thân, bà xác định không còn tình cảm với ông S. Giữa bà và ông S đã mâu thuẫn gần 03 năm không thể hóa giải được. Trong quá trình giải quyết, phía ông S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do áp lực cuộc sống công việc dẫn đến vợ chồng cãi nhau nên thời gian gần đây ông và bà T xảy ra mâu thuẫn. Bà T yêu cầu ly hôn, ông cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Ông xin thời gian để ông và bà T hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông S thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Tại phiên tòa, bà T cho rằng Tòa án đã cho thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng giữa bà và ông S không thể hàn gắn tình cảm với nhau được. Bà không còn tình cảm với ông. Ông S mong muốn được tiếp tục chung sống với bà T để cùng nhau nuôi dạy con nhỏ, ông còn yêu thương bà T và rất thương con, không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp nguyện vọng muốn được chung sống với bà T không được Tòa chấp nhận thì ông mong được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Nhận thấy, bà T và ông S đã được Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để ông S khắc phục khuyết điểm, hóa giải những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà T xác định không còn tình cảm với ông S, không thể hàn gắn tình cảm với được. Bà không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà đã không sống chung với nhau, đã ly thân với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông S đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho bà T cũng như ông S. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà T và ông S có 01 con chung là cháu Mai Lê Chí Q (nam), sinh ngày 05/7/2021. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Phía ông S thì cho rằng ông rất thương con nên mong muốn được nuôi con chung.

Nhận thấy, cháu Q hiện nay đang sống với bà T, cháu vẫn được đảm bảo điều kiện chăm sóc, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, bà T đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng vì lợi ích của cháu Q. Mặt khác, cháu Q hiện nay hơn 14 tháng tuổi thuộc trường hợp con dưới 36 tháng tuổi nên được giao cho mẹ (tức bà T) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, bà T yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông S) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung,

không ai được quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Tuy nhiên, ông không được lợi dụng quyền này để gây khó khăn cho người trực tiếp nuôi con chung.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy các vấn đề ông S yêu cầu và nêu ra để yêu cầu được nuôi con chung và xin thay đổi quyền nuôi con trong đơn xin giải quyết vắng mặt không có cơ sở xem xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của bà T và ông S về việc không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Do đó, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Lê Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Trần Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Trần Thanh T được ly hôn với ông Mai Dũng S.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Mai Lê Chí Q (nam), sinh ngày 05/7/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Mai Dũng S, không ai được quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của bà T và ông S về việc không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Lê Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000676 ngày 21/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết),* để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân phường An Hội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi